

Số: 84 /2016/TT-BTC

Hà Nội, ngày 17 tháng 6 năm 2016

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn thủ tục thu nộp ngân sách nhà nước
đối với các khoản thuế và thu nội địa**

CỤC TIN HỌC & THỐNG KÊ TÀI CHÍNH
Ngày: 23-06-2016
SỐ CV ĐẾN: 1880

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16/12/2002 và Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/06/2015;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/07/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế; Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01/10/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế; Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;

Căn cứ Nghị định số 27/2007/NĐ-CP ngày 23/2/2007 của Chính phủ về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23/12/2013 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn thủ tục thu nộp ngân sách nhà nước đối với các khoản thuế và thu nội địa như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn thủ tục thu nộp ngân sách nhà nước đối với các khoản thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất, tiền thuê mặt nước, tiền sử dụng đất, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và các khoản thu khác do cơ quan thuế quản lý thu theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là các khoản thuế và thu nội địa), không bao gồm các khoản thu nộp phát sinh tại khâu xuất khẩu, nhập khẩu.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Người nộp thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.
- b) Cơ quan thuế bao gồm: Tổng cục Thuế, Cục Thuế và Chi cục Thuế.
- c) Cơ quan kho bạc nhà nước bao gồm: Kho bạc Nhà nước; Sở Giao dịch Kho bạc Nhà nước; Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Phòng giao dịch Kho bạc Nhà nước thuộc Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh; Kho bạc Nhà nước huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh.
- d) Ngân hàng bao gồm: Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động theo pháp luật các tổ chức tín dụng có liên quan đến việc thu nộp các khoản thuế và thu nội địa.
- đ) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thu nộp các khoản thuế và thu nội địa.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- 1. *Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế* là hệ thống kết nối, trao đổi, cung cấp thông tin phục vụ quản lý thu ngân sách nhà nước và thực hiện thủ tục nộp thuế điện tử do Tổng cục Thuế quản lý.
- 2. *Cổng trao đổi thông tin của ngân hàng* là hệ thống kết nối, trao đổi thông tin, dữ liệu điện tử giữa ngân hàng với Tổng cục Thuế.
- 3. *Cơ quan quản lý thu* là cơ quan thuế có trách nhiệm theo dõi, quản lý các khoản thuế và thu nội địa phải nộp vào ngân sách nhà nước.
- 4. *Danh mục dùng chung* là các danh mục thông tin phục vụ thu ngân sách nhà nước, bao gồm: Danh mục cơ quan kho bạc nhà nước, danh mục cơ quan thuế, danh mục ngân hàng uỷ nhiệm thu, danh mục ngân hàng phối hợp thu, danh mục mã tài khoản thu ngân sách nhà nước, danh mục mã chương, danh mục mã tiểu mục (mã nội dung kinh tế).
- 5. *Dữ liệu về người nộp thuế* là thông tin quản lý người nộp thuế của cơ quan thuế, bao gồm: Tên người nộp thuế, mã số thuế, địa chỉ, mã chương, tên và mã cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế.
- 6. *Dữ liệu về khoản thuế* là thông tin liên quan đến các khoản nghĩa vụ phải nộp ngân sách nhà nước, bao gồm: tên khoản phải nộp, số tiền phải nộp, số quyết định/ thông báo của cơ quan có thẩm quyền đối với khoản phải nộp (nếu có), kỳ thuế, tên tài khoản nộp ngân sách nhà nước, mã và tên chương, mã và tên

tiêu mục, mã và tên cơ quan quản lý thu, mã và tên cơ quan kho bạc nhà nước hạch toán thu.

7. *Ngân hàng chưa phối hợp thu* là ngân hàng chưa ký thỏa thuận hợp tác phối hợp thu ngân sách nhà nước với Tổng cục Thuế.

8. *Ngân hàng phối hợp thu* là ngân hàng đã ký thỏa thuận hợp tác phối hợp thu ngân sách nhà nước với Tổng cục Thuế (hoặc với Tổng cục Thuế và Kho bạc Nhà nước).

9. *Ngân hàng ủy nhiệm thu* là ngân hàng đã ký thỏa thuận hợp tác phối hợp thu ngân sách nhà nước với Kho bạc Nhà nước và có tài khoản chuyên thu hoặc tài khoản thanh toán của Kho bạc Nhà nước mở tại ngân hàng.

10. *Nộp thuế điện tử* là hình thức nộp thuế thông qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hoặc qua các kênh giao dịch thanh toán điện tử của ngân hàng phù hợp với quy định của pháp luật về giao dịch điện tử và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

11. *Thời điểm “cut off time”* là thời điểm tạm ngừng truyền, nhận chứng từ thanh toán để đối chiếu số liệu thanh toán trong ngày giữa Kho bạc Nhà nước và ngân hàng ủy nhiệm thu, được quy định là 16 giờ 00 của ngày làm việc.

Trường hợp cần thiết thay đổi thời gian giao dịch của ngày làm việc, Kho bạc Nhà nước chủ trì phối hợp với ngân hàng ủy nhiệm thu để thống nhất thời điểm “cut off time” của ngày làm việc đó.

Điều 3. Ngày nộp thuế

1. Trường hợp nộp thuế qua giao dịch điện tử, ngày nộp thuế là ngày hệ thống thanh toán của ngân hàng/ cơ quan kho bạc nhà nước trích tiền từ tài khoản của người nộp thuế/ người nộp thay và được ghi nhận trên chứng từ nộp thuế điện tử.

2. Trường hợp nộp thuế bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản tại quầy giao dịch, ngày nộp thuế là ngày ngân hàng/ cơ quan kho bạc nhà nước thu tiền mặt hoặc trích tiền từ tài khoản của người nộp thuế/người nộp thay và được ghi nhận trên chứng từ cấp cho người nộp thuế/người nộp thay.

3. Trường hợp nộp thuế qua tổ chức ủy nhiệm thu thuế, ngày nộp thuế là ngày người nộp thuế/người nộp thay nộp tiền mặt cho tổ chức ủy nhiệm thu thuế, hoặc ngày thực hiện giao dịch chuyển tiền từ tài khoản của người nộp thuế/người nộp thay để nộp thuế và được ghi nhận trên biên lai, chứng từ do tổ chức ủy nhiệm thu thuế cấp cho người nộp thuế/người nộp thay.

Điều 4. Trao đổi thông tin liên quan đến thu nộp ngân sách nhà nước

1. Cơ quan thuế, cơ quan kho bạc nhà nước, ngân hàng phối hợp thu, ngân hàng ủy nhiệm thu sử dụng phương thức giao dịch điện tử trong việc trao đổi danh mục dùng chung, dữ liệu về người nộp thuế, dữ liệu về khoản thuế, số thuế

đã thu nộp ngân sách nhà nước. Trường hợp có sự cố kỹ thuật không áp dụng được phương thức giao dịch điện tử, các bên tạm thời trao đổi thông tin liên quan đến thu nộp ngân sách nhà nước bằng phương thức phù hợp khác để bảo đảm có thông tin, dữ liệu kịp thời phục vụ công tác quản lý thu nộp ngân sách nhà nước.

2. Thông tin thu nộp ngân sách nhà nước ở dạng thông điệp điện tử trao đổi giữa các bên liên quan phải đáp ứng yêu cầu:

a) Có đầy đủ tiêu chí theo quy định của Thông tư này và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành;

b) Được ký bằng chữ ký điện tử và áp dụng phương án bảo mật.

3. Chữ ký điện tử ký trên thông điệp điện tử:

a) Do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số cấp hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận; Có hiệu lực trong thời gian các bên kết nối, trao đổi thông tin điện tử.

b) Được thông báo bằng văn bản để các bên liên quan (cơ quan thuế, cơ quan kho bạc nhà nước, ngân hàng) chấp nhận trong các giao dịch điện tử liên quan đến thu nộp ngân sách nhà nước.

Trường hợp thay đổi chữ ký điện tử, đơn vị sử dụng chữ ký điện tử có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho các bên liên quan trước ngày chữ ký điện tử mới có hiệu lực ít nhất 15 ngày .

Điều 5. Trách nhiệm của cơ quan thuế, cơ quan kho bạc nhà nước, ngân hàng, người nộp thuế trong thực hiện thu nộp ngân sách nhà nước

1. Trách nhiệm của cơ quan thuế

a) Cập nhật kịp thời các thông tin về danh mục dùng chung, dữ liệu về người nộp thuế, dữ liệu về khoản thuế trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

b) Phối hợp với ngân hàng để ký và thực hiện thoả thuận hợp tác phối hợp thu ngân sách nhà nước.

c) Hỗ trợ ngân hàng/ cơ quan kho bạc nhà nước về nghiệp vụ và kỹ thuật trong quá trình triển khai phối hợp thu ngân sách nhà nước.

d) Cấp tài khoản giao dịch nộp thuế điện tử cho người nộp thuế theo quy định của Bộ Tài chính về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế; hướng dẫn người nộp thuế trong việc lập bảng kê nộp thuế hoặc giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước; cung cấp cho người nộp thuế dữ liệu về khoản thuế để phục vụ việc lập chứng từ nộp tiền đầy đủ và chính xác; xác nhận số thuế đã nộp theo đề nghị của người nộp thuế.

đ) Tiếp nhận thông tin về số thuế đã nộp từ cơ quan kho bạc nhà nước và các ngân hàng để phục vụ công tác quản lý thuế; thực hiện tra soát các khoản thu

nộp với cơ quan kho bạc nhà nước, ngân hàng, người nộp thuế; xử lý các vấn đề sai sót liên quan đến các khoản thu nộp ngân sách nhà nước.

e) Phối hợp với cơ quan kho bạc nhà nước trong việc đối chiếu số liệu, đảm bảo khớp đúng về số đã nộp ngân sách nhà nước trước khi khóa sổ kế toán thuế.

g) Xem xét đình chỉ hoặc chấm dứt việc tham gia phối hợp thu ngân sách nhà nước với ngân hàng nếu ngân hàng không đáp ứng thỏa thuận phối hợp thu ngân sách nhà nước hoặc có hành vi vi phạm pháp luật về quản lý thuế.

2. Trách nhiệm của cơ quan kho bạc nhà nước

a) Cung cấp kịp thời cho Tổng cục Thuế danh mục ngân hàng ủy nhiệm thu; cung cấp cho cơ quan quản lý thu về cơ quan kho bạc nhà nước tiếp nhận và hạch toán khoản thu ngân sách nhà nước đối với trường hợp cơ quan kho bạc nhà nước hạch toán khoản thu không đồng cấp với cơ quan quản lý thu.

b) Sử dụng thông tin thu nộp ngân sách nhà nước do cơ quan thuế cung cấp để thu tiền từ người nộp thuế và hạch toán thu ngân sách nhà nước.

c) Hướng dẫn người nộp thuế kê khai các thông tin nộp thuế trên bảng kê nộp thuế; cấp chứng từ xác nhận đã nộp thuế vào ngân sách nhà nước có đầy đủ chữ ký và dấu xác nhận của cơ quan kho bạc nhà nước khi người nộp thuế thực hiện giao dịch nộp thuế với cơ quan kho bạc nhà nước; cấp chứng từ nộp thuế phục hồi hoặc bản sao chứng từ nộp thuế có chữ ký và dấu xác nhận của cơ quan kho bạc nhà nước theo đề nghị của người nộp thuế.

d) Tiếp nhận thông tin thu thuế từ ngân hàng ủy nhiệm thu, kiểm soát số thuế đã thu nộp thông qua tài khoản của cơ quan kho bạc nhà nước mở tại ngân hàng; phối hợp với ngân hàng ủy nhiệm thu xử lý sai sót trong việc tổ chức phối hợp thu ngân sách nhà nước.

đ) Cung cấp thông tin về số thuế đã thu theo cơ quan quản lý thu, bảo đảm đầy đủ thông tin để hạch toán trừ nợ cho người nộp thuế, ghi nhận đúng ngày nộp thuế của người nộp thuế; cung cấp số thu nội địa không do cơ quan thuế quản lý trên địa bàn để cơ quan thuế đồng cấp tổng hợp số thu nội địa trên địa bàn cấp huyện/cấp tỉnh; thực hiện đối chiếu số thu nội địa với cơ quan thuế trước khi khóa sổ kế toán thu ngân sách theo tháng và năm ngân sách.

e) Thực hiện tra soát, xử lý sai sót thông tin thu nộp ngân sách nhà nước với cơ quan thuế, ngân hàng ủy nhiệm thu.

g) Hỗ trợ cơ quan thuế, ngân hàng ủy nhiệm thu về nghiệp vụ và kỹ thuật trong quá trình phối hợp thu ngân sách nhà nước.

3. Trách nhiệm của ngân hàng ủy nhiệm thu, ngân hàng phối hợp thu

a) Khai thác và bảo mật thông tin liên quan đến thu nộp ngân sách nhà nước do cơ quan thuế cung cấp trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.